TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 246/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 10 – 2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Chiến.
- Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 727/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: đường T, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Võ Duy T', sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: đường T, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 14/8/2019 và tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Duy T' chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, thành phố Cà Mau ngày 24/4/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 02/2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T' không lo cho gia đình, vợ con. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh T'.

Về con chung: Chị và anh T' có 02 con chung tên Võ Trúc M, sinh ngày 02/12/2005; Võ Phúc H, sinh ngày 05/02/2012 hiện 02 cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ anh chị.

- Tại bản tự khai anh Võ Duy T' trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tài chính từ đó xảy ra cải vã. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con tên Võ Trúc M, sinh ngày 02/12/2005; Võ Phúc H, sinh ngày 05/02/2012, hiện hai cháu đang sống với anh chị. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Duy T' đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 03/9/2019, ngày 17/9/2019, ngày 07/10/2019, ngày 25/10/2019 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T' theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Võ Duy T' xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục, đến ngày 24/4/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Võ Duy T'. Đối với anh T' xác định mâu thuẫn vợ chồng là về tài chính, nay chị T xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh, chị đã không còn, mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra, nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho chị T được ly hôn anh T'.

[3] Về con chung: Chị T, anh T' xác định có 02 người con chung tên Võ Trúc M, sinh ngày 02/12/2005; Võ Phúc H, sinh ngày 05/02/2012, hiện 02 cháu đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và được anh T' đồng ý. Xét thấy, 02 cháu hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của 02 cháu muốn được chung sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 cháu M và H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T' tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 dl, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh T' xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị T, anh T' khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn anh Võ Duy T'.

- Về con chung: Giao 02 cháu Võ Trúc M, sinh ngày 02/12/2005; Võ Phúc H, sinh ngày 05/02/2012 cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Duy T' tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 cháu M, H mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2019 dương lịch, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Võ Duy T' được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000đ. Ngày 14 tháng 8 năm 2019, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000608 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T' phải nộp 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Duy T' có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường 8, Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu